

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24 /2015/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 11 tháng 9 năm 2015

SỞ CÔNG THƯƠNG GIA LAI

QUYẾT ĐỊNH

ĐẾN Số: 20152 về việc ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích,
Ngày: 14/9/2015 hỗ trợ đầu tư áp dụng tại địa bàn tỉnh Gia Lai

Chuyên: TTKC (Sg. Các phòng CM)

Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;
Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 135/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá X, kỳ họp thứ 9 quy định về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 160/TTR-SKHĐT ngày 04/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư áp dụng tại địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND, ngày 19/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Huyện, Thị xã, Thành phố; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; các nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT - UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các PVP-UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Gia Lai; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu VT, NC, CNXD, VHXH, KTTH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

BAN CHỦ TỊCH



Hoàng Công Lý

QUY ĐỊNH
VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ
ÁP DỤNG TẠI ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2015/QĐ-UBND ngày 11/9/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư dành cho nhà đầu tư (nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) tại tỉnh Gia Lai.

2. Nhà đầu tư khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai, ngoài các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định chung của pháp luật còn được hưởng một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (UBND tỉnh) ban hành tại quy định này.

3. Đối tượng áp dụng: Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư tại tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

1. Thành lập tổ chức kinh tế có trụ sở tại tỉnh Gia Lai để thực hiện dự án đầu tư, hạch toán độc lập, kê khai, hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

2. Thực hiện thủ tục để được cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ký quỹ để bảo đảm triển khai thực hiện dự án đúng quy định.

Điều 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh cam kết thực hiện những nội dung khuyến khích, hỗ trợ khi nhà đầu tư đáp ứng đúng các điều kiện tại quy định này.

Chương II
CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 4. Ngành nghề, Lĩnh vực khuyến khích, hỗ trợ đầu tư

1. Sản xuất các sản phẩm từ cao su.
2. Sản xuất vật liệu xây dựng không nung, gạch bê tông khí chưng áp, gạch bê tông bọt.

3. Chế biến cà phê hòa tan và cà phê bột (nguyên liệu đầu vào được sản xuất theo quy trình UTZ, 4C và VietGAP).

4. Chế biến sản phẩm hồ tiêu: Tiêu hạt và tiêu bột (nguyên liệu đầu vào được sản xuất theo quy trình VietGAP).

5. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

6. Đầu tư xây dựng khu trung tâm thương mại.

7. Đầu tư xây dựng khách sạn 5 sao; Đầu tư khu nghỉ dưỡng cao cấp.

8. Đầu tư xây dựng và khai thác các khu du lịch sinh thái, du lịch văn hoá lịch sử, với quy mô từ 20 ha trở lên.

9. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ về san lấp mặt bằng, rà phá bom mìn, hạ tầng kỹ thuật đối với các dự án thuộc ngành nghề, lĩnh vực khuyến khích, hỗ trợ đầu tư

1. Đối với các dự án đầu tư ngoài các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

a) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật ngoài hàng rào dự án (đường giao thông, cấp điện, cấp nước):

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư đối với các hạng mục đầu tư hạ tầng, kỹ thuật gắn với hoạt động dân sinh, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/01 dự án.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư đối với các hạng mục đầu tư hạ tầng, kỹ thuật không gắn với hoạt động dân sinh, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/01 dự án.

b) Hỗ trợ san lấp mặt bằng và rà phá bom mìn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí san lấp mặt bằng và rà phá bom mìn nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/01 dự án.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí san lấp mặt bằng và rà phá bom mìn cho Nhà đầu tư nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/01 dự án.

3. Đối với các dự án có quy mô đầu tư từ 30 tỷ đồng trở lên, nằm trong các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% kinh phí san lấp mặt bằng và rà phá bom mìn cho nhà đầu tư nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/01 dự án.

Điều 6. Hỗ trợ chi phí lập dự án đầu tư và chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc ngành nghề, lĩnh vực khuyến khích, hỗ trợ đầu tư

Hỗ trợ 30% chi phí lập dự án đầu tư, chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/01 dự án (theo quy định hiện hành của nhà nước về định mức, chi phí lập dự án, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường).

Điều 7. Hỗ trợ kinh phí tham gia triển lãm, chợ công nghệ

1. Cơ chế hỗ trợ:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí 01 lần/1 năm cho mỗi doanh nghiệp có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh tham gia các cuộc triển lãm, Chợ Công nghệ ở trong nước và nước ngoài sau khi được UBND tỉnh có văn bản chấp thuận, doanh nghiệp phải đảm bảo có thuê gian hàng, có hàng hoá, sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh mang theo để trưng bày, giới thiệu theo đúng quy định của triển lãm, chợ Công nghệ với các mức sau:

- Hỗ trợ đến 30 triệu đồng cho doanh nghiệp tham gia triển lãm, chợ Công nghệ ở trong nước;

- Hỗ trợ đến 50 triệu đồng cho doanh nghiệp tham gia triển lãm, chợ Công nghệ tại các nước thuộc khu vực châu Á;

- Hỗ trợ đến 80 triệu đồng cho doanh nghiệp tham gia triển lãm, chợ Công nghệ tại các nước ngoài khu vực châu Á.

2. Quy trình hỗ trợ:

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt triển lãm, chợ công nghệ; Doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hoá tham gia triển lãm, chợ công nghệ gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí về Sở Công Thương (đối với Doanh nghiệp tham gia triển lãm); về Sở Khoa học Công nghệ (đối với Doanh nghiệp tham gia chợ công nghệ), gồm các văn bản sau:

- Thư mời tham gia triển lãm, chợ công nghệ của các cơ quan, tổ chức và văn bản giới thiệu, chấp thuận của UBND tỉnh;

- Văn bản của doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ kinh phí tham gia triển lãm, chợ công nghệ;

- Văn bản báo cáo cụ thể về quá trình tham gia triển lãm, chợ công nghệ của doanh nghiệp;

- Bản sao hợp pháp các chứng từ có liên quan đến chi phí tham gia triển lãm, chợ công nghệ như: Thuê gian hàng, chi phí đi lại, chi phí vận chuyển hàng mẫu, giới thiệu sản phẩm, sản phẩm hàng hoá khuyến mãi...

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương, Sở Khoa học Công nghệ kiểm tra hồ sơ đề nghị của Doanh nghiệp và tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định xuất ngân sách hỗ trợ cho Doanh nghiệp (thông qua Sở Tài chính).

Điều 8. Điều kiện để được hỗ trợ đầu tư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hỗ trợ đầu tư theo Điều 5, Điều 6 tại Quy định này khi nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện sau:

a) Thực hiện đúng các nội dung tại Điều 2, Chương I của Quy định này.

b) Triển khai và hoàn thành dự án theo đúng các nội dung đã đăng ký đầu tư.

2. Mỗi dự án đầu tư chỉ được hưởng tối đa 01 lần về các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

3. Sau khi dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động, căn cứ hồ sơ quyết toán đã được kiểm toán, làm cơ sở để UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho nhà đầu tư.

Điều 9. Về nguồn kinh phí thực hiện khuyến khích, hỗ trợ đầu tư

Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí một khoản kinh phí trong dự toán ngân sách để thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành, Địa phương

1. Công bố danh mục dự án kêu gọi đầu tư

a) Định kỳ 03 năm một lần, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục dự án kêu gọi đầu tư đảm bảo phù hợp với Danh mục lĩnh vực khuyến khích, hỗ trợ đầu tư tại Điều 4 của Quy định này và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Đối với những dự án không thuộc danh mục đã công bố, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các thủ tục theo quy định, nhà đầu tư có văn bản trình UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

c) Trường hợp dự án có hai nhà đầu tư trở lên quan tâm tham gia đăng ký đầu tư thì UBND tỉnh sẽ tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng được yêu cầu của dự án theo quy định hiện hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin về danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên Cổng Thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu kinh phí, đề xuất nguồn kinh phí trình UBND tỉnh quyết định phân bổ kinh phí để thực hiện các hỗ trợ đã được UBND tỉnh cam kết đối với các dự án đầu tư.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xác định chi phí lập dự án đầu tư, chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình UBND tỉnh xem xét, hỗ trợ.

d) Theo dõi tổng hợp tình hình đầu tư, trực tiếp giải quyết theo quy định ủy quyền hoặc trình UBND tỉnh giải quyết những kiến nghị đề xuất của các nhà đầu tư.

3. Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí tham gia triển lãm, chợ công nghệ của Doanh nghiệp và tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định xuất ngân sách hỗ trợ cho Doanh nghiệp (thông qua Sở Tài chính).

4. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn chi ngân sách địa phương để thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư theo quy định này.

b) Định kỳ hàng năm, tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo thực hiện.

5. Các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân các Huyện, Thị xã, Thành phố thuộc tỉnh tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan về đăng ký và triển khai thực hiện dự án.

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy định này, có nhiều thành tích trong triển khai thực hiện đầu tư thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các nội dung tại Quy định này thì tùy theo đối tượng, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Những dự án đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, đáp ứng các điều kiện ưu đãi về đất đai theo quy định của Chính phủ, nhưng chưa được thể hiện tại Giấy chứng nhận đầu tư thì được đăng ký để bổ sung các nội dung được ưu đãi theo quy định.

2. Những dự án đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành mà đáp ứng được các điều kiện ưu đãi, hỗ trợ, không trái với các quy định của Chính phủ thì thực hiện như sau:

a) Được hưởng ưu đãi, hỗ trợ cho thời gian còn lại của dự án tính từ ngày Quy định này được áp dụng thi hành.

b) Được hỗ trợ cho các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án thực hiện sau khi Quy định này được áp dụng thi hành.

c) Không hỗ trợ và không hồi tố chi phí đối với các hạng mục đầu tư, gói thầu đã thực hiện trước khi Quy định này được áp dụng thi hành.

Điều 13. Điều khoản thi hành.

1. Quy định này được áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh Gia Lai.

2. Trường hợp cùng một thời điểm, dự án đủ điều kiện để hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau, nhà đầu tư được lựa chọn mức ưu đãi, hỗ trợ cao nhất.

3. Những dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh không được hưởng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư theo quy định này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà đầu tư không thực hiện đúng các nội dung quy định tại Điều 2 Chương I, Điều 8 Chương II của Quy định này.

b) Dự án do cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động, theo quy định tại Khoản 2, Điều 48, Luật Đầu tư năm 2014.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các Huyện, Thị xã, Thành phố và các nhà đầu tư cần phản ánh kịp thời về Sở

Kế hoạch và Đầu tư đề tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



Hoàng Công Lý